

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PL
TỈNH BL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27/3/2025
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL – TỈNH BL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Như**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Tuyết Kha**
2. Ông **Mai Quốc Bảo**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Bé** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh BL tham gia phiên tòa:
Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Danh Thị C**, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp PT, xã PL, huyện PL, tỉnh BL. (*Vắng mặt*)
2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn NG**, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp PT, xã PL, huyện PL, tỉnh BL. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Danh Thị C trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh NG tự nguyện sống chung từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện PL, tỉnh BL và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/9/2013. Vợ chồng chị đã không sống chung gần 10 năm nay do sống chung không hợp nhau, thường xuyên mâu thuẫn và không còn tình cảm. Nay chị C yêu cầu được ly hôn với anh NG.

Về con chung: Chị và anh NG có một người con chung là Danh Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 20/01/2013, hiện đang sống với chị C. Khi ly hôn chị C yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh NG cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn NG đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C, cho chị C được ly hôn với anh NG.

+ Về con chung: Giao cháu Danh Nguyễn Ngọc T (nữ), sinh ngày 20/01/2013 cho chị C tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh NG có quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị C khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh NG, anh NG đang cư trú trên địa bàn huyện PL nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện PL thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh NG đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị C có đơn đề NG Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị C và anh NG là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị C và anh NG tự nguyện sống chung từ năm 2012 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh NG là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, chị C và anh NG đã không sống chung khoảng 10 năm nay, xét thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng chị C và anh NG không sống chung với nhau trong một thời gian dài mà hai bên không có hành động gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Mặc khác, Tòa án đã triệu tập anh NG nhiều lần nhưng anh NG vẫn không đến, như vậy anh NG đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân này. Từ đó cho thấy, hôn nhân của chị C và anh NG đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C, cho chị C ly hôn với anh NG.

[4] Về con chung: Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của chị C thì chị C và anh NG có một người con chung là Danh Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 20/01/2013, hiện đang sống với chị C. Anh NG đã được Tòa án thông báo về việc yêu cầu nuôi con chung của chị C nhưng anh NG không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị C. Xét thấy, cháu T sống cùng với chị C từ khi ly thân đến nay, hiện cháu T phát triển tốt. Đồng thời, tại biên bản lấy ý kiến cháu Danh Nguyễn Ngọc T có nguyện vọng sống cùng với chị C. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu T, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C: Giao cháu Danh Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 20/01/2013 cho chị C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn Văn NG có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề NG của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Anh NG không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 NG quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Danh Thị C ly hôn anh Nguyễn Văn NG.
2. Về con chung: Giao cháu Danh Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 20/01/2013 cho chị Danh Thị C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn Văn NG có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về cấp dưỡng: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.
4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Danh Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị C đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003117 ngày 10/01/2025 tại C cục Thi hành án dân sự huyện PL nên được chuyển sang thu án phí.

Anh Nguyễn Văn NG không phải chịu án phí.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện PL;
- C cục THADS huyện PL;
- TAND tỉnh BL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Như